

Đề bài

Hãy phân tích bài thơ

Thuật hứng

và nêu cảm nghĩ của em về tâm trạng của

Nguyễn Trãi lúc ra

về hưởng cái thú

thanh nhàn.

Bài làm

Bài thơ như có hai điều mới lạ: một là viết bằng chữ Nôm mở đường cho tư tưởng và nghệ thuật thơ ca viết bằng tiếng Việt thời ấy. Hai là thể hiện một nhân sinh quan mới mẻ. Cho nên mở đầu nhà thơ như phân bua về việc nhân của mình:

*Công danh đã được hợp về nhân
Lành dữ âu chi thế nghị khen*

Ông cho rằng đã có công danh – chức tước và danh vọng – như người quan niệm thì vui vẻ về ở ẩn là thỏa đáng thậm chí là đúng với cái nghĩa *không tham quyền tó vị*. Cho nên việc chê khen của miệng thế gian chẳng có gì đáng quan tâm. Quan niệm, cách nghĩ này của ông không lẫn lộn với ai, không phải là thói thường của thế lực lúc đó.

Nguyễn Trãi cứ thế đi theo con đường của mình không sợ lầm lẫn, lầm lạc. Nhưng đọc kĩ câu thơ ta vẫn cứ cảm thấy ông có băn khoăn, trong cách xử thế ấy như có một nỗi niềm. Có nghĩa là việc *về nhân* là điều cực chẳng đã! Vì thật ra phải chăng không ông không hề nghĩ đến cái sự nghiệp, tượng trưng là cái triều đình hiện nay mà ông mất bao xương máu, hao tổn tâm trí để xây dựng nên?

Tuy vậy, ông đã diễn tả *cái lạc thú thanh nhân* bằng hai câu thơ rất mộc mạc:

*Ao cạn vớt bèo cấy muống
Đìa thanh phát cỏ ương sen*

Đây là thứ lao động làm cho con người trở về với cuộc sống đậm đà hương vị chân quê, nhưng không phải để tìm thấy do chính mình không muốn chiếm lĩnh thiên nhiên bằng cách đó, vì còn nhiều ham muốn trần tục hay nói là tham vọng.

Với cách nói của Nguyễn Trãi thì ông rất giàu có. Cái kho báu không đủ dự trữ lương thực, con thuyền không nặng nề chở khách thường nhật. Cái kho ấy là một tâm hồn đang mở rộng cửa cho trăng gió tràn vào bằng khối lượng, trọng lượng cảm giác của nhà thơ mà đầy qua nóc cũng như con thuyền đang chứa một thứ hàng hóa không thể cân đong mà đến nỗi vạy cả then:

*Kho thu phong nguyệt đầy qua nóc
Thuyền chở yên hà nặng vạy then...*

Cái giàu có của thi nhân không phải là của cải, tiền bạc mà giàu cảnh vật thiên nhiên.

Như vậy là khi ra về Nguyễn Trãi thả sức tận hưởng cái nhân với bao cảnh thiên nhiên mỹ lệ, tao nhã, nên thơ... Tuy nhiên cái đẹp, cái sung mãn của nhà thơ không dễ gì nắm bắt vì nó đứng ở thế ẩn dụ, phóng đại chênh vênh giữa cái thực và cái mộng.

Qua mấy câu thơ trên ta thấy Nguyễn Trãi từ trên đỉnh cao của cuộc chiến đấu vung gươm, thả bút viết nên *Bình Ngô Đại cáo* bất hủ, nay lại bước sang đỉnh cao của sự an nhàn, ẩn dật.

Tuy nhiên dù sống ở phương diện nào, Nguyễn Trãi vẫn đi theo con đường *hanh đạo* đã vạch sẵn từ khi gạt nước mắt từ giã cha già. Đánh giặc không chỉ là lòng yêu nước, trung quân, mà còn là lòng chí hiếu theo lời cha dặn dò.

Bởi vậy, sau khi nói đến cái vui thú của cảnh nhàn, ông hạ bút trải lòng mình trên trang giấy:

Bui có một lòng trung với hiếu

Mài chẳng khuyết, nhuộm chẳng đen

Quả thực, ông đã từng là bậc đại thần, giữ quyền cao chức trọng trải qua hai đời vua mà vẫn sống đạm bạc, thanh bạch... Nhưng tiếc thay dù có sống theo cách nào đi nữa thì công danh nếu hầy còn cũng đầy rẫy chông gai! Nguyễn Trãi dứt khoát ra và sống cảnh *vót bè, cấy ruộng, phát cỏ ương sen* và hưởng cái thú *phong nguyệt, yên hà* không thể cân đong đo đếm được.

Như vậy bài thơ *Thuật hứng* là sự trang trải món nợ lòng: dứt hẳn sự ràng buộc của hai chữ công danh đôi lấy cuộc sống có niềm vui trong trẻo, thanh cao.

Tuy nhiên, từ ở đây ta thấy Nguyễn Trãi sống thì rất đơn giản *đạo lí* làm người, mở rộng thêm chữ trung và chữ hiếu, lấy việc tu thân thành lễ sống, lấy việc thờ phụng tổ tiên làm trọng.

Về nghệ thuật, trong *Quốc âm thi tập*, Nguyễn Trãi đã đưa ra câu thơ sáu chữ vào nhiều bài thơ thất ngôn bát cú, hoặc tứ tuyệt, Đường luật, làm cho thể thơ truyền thống thay đổi, có thể gọi là thơ *thất ngôn xen lẫn lục ngôn*.

Hiện tượng mới mẻ về nghệ thuật làm thơ này, Nguyễn Trãi tìm kiếm ra một lối thơ hợp với ngôn ngữ dân tộc. Chẳng hạn hai câu thực ở bài thơ này tạo nên một cảm giác đột ngột, nhịp điệu mới mẻ, gân guốc, nhấn mạnh:

Ao cạn, vót bè, cấy ruộng

Đìa thanh, phát cỏ, ương sen...

Câu cuối cùng cắt nhịp 3/3 (*Mài chẳng khuyết, nhuộm chẳng đen*) tạo nên câu thơ có hai vế cân đối, làm cho câu thơ có dáng điệu của câu tục ngữ.

Có khi Nguyễn Trãi sử dụng ngôn ngữ hàng ngày để tả cảnh, tả tình, tả vật (*lành dừ, ao cạn, vót bè, cấy ruộng, đìa, phát cỏ, ương sen, bui, lẫn, mài, nhuộm...*). Điều đó chứng tỏ Nguyễn Trãi có ý thức sâu sắc đối với từ ngữ dân tộc.